

**UBND HUYỆN CẦN GIỜ
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 105/GDĐT
V/v tổ chức triển khai bộ giáo trình tiếng
Anh hỗ trợ i-Learn Smart World

Cần Giờ, ngày 19 tháng 6 năm 2019

Kính gửi:

- Hiệu trưởng các trường trung học cơ sở;
- Hiệu trưởng Trường THCS-THPT Thạnh An.

Căn cứ Công văn số 2116/GDĐT – TrH ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Sở Giáo dục và Đào tạo về tài liệu tiếng Anh i-Learn Smart World;

Căn cứ Kế hoạch số 462/KH-GDĐT ngày 27 tháng 3 năm 2019 của Phòng Giáo dục và Đào tạo về tổ chức tập huấn giới thiệu bộ giáo trình i-Learn Smart World và Giấy mời số 654/GM-GDĐT ngày 25 tháng 4 năm 2019 của Phòng Giáo dục và Đào tạo về dự tập huấn giới thiệu bộ giáo trình i-Learn Smart World;

Phòng Giáo dục và Đào tạo đề nghị Hiệu trưởng các trường tổ chức triển khai bộ giáo trình tiếng Anh hỗ trợ i-Learn Smart World kể từ năm học 2019-2020, cụ thể như sau:

I. HIỆN TRẠNG VIỆC DẠY HỌC TIẾNG ANH CẤP TRUNG HỌC CƠ SỞ

Hiện nay, việc dạy và học tiếng Anh cấp trung học cơ sở có các mô hình như sau:

1. Tiếng Anh thực hiện theo Đề án ngoại ngữ quốc gia

- Đối tượng: học sinh từ lớp 6 đến lớp 9.
- Thời lượng: Theo Khung phân phối chương trình quy định tại Công văn số 2587/GDĐT-GDTrH ngày 05/8/2016 của Sở Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn lập kế hoạch giáo dục năm học 2016-2017.

- Mức thu: không.

- Tài liệu dạy học: Sách tiếng Anh 6, 7, 8 và 9 của Nhà xuất bản Giáo dục.

2. Tiếng Anh tăng cường

- Đối tượng: học sinh từ lớp 6 đến lớp 9.
- Thời lượng: 8 tiết/ tuần (bao gồm các tiết học theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05 tháng 5 năm 2006 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành chương trình giáo dục phổ thông; học với giáo viên người nước ngoài và giáo trình tiếng Anh).

- Mức thu: 60.000 đồng/ học sinh/ tháng.

- Tài liệu dạy học: Giáo trình Access của Nhà xuất bản Oxford.

- Điều kiện tổ chức: có phòng học tiếng Anh và được trang bị các thiết bị giảng dạy như bảng tương tác, Ti vi, máy tính, máy chiếu và có không quá 45 học sinh/ 1 lớp; sự tự nguyện đồng ý của học sinh, cha mẹ học sinh; không ép buộc; phù hợp với điều kiện của nhà trường.

3. Học tiếng Anh với giáo viên người nước ngoài

- Đối tượng: học sinh từ lớp 6 đến lớp 9.

- Thời lượng: 1 tiết/ tuần.

- Mức thu: 100.000 - 120.000 đồng/ học sinh/ tháng.

- Nội dung chi: Theo phụ lục đính kèm.

- Tài liệu dạy học: Giáo trình Access của Nhà xuất bản Oxford và tài liệu do giáo viên tiếng Anh người Việt Nam của trường đề xuất và Hiệu trưởng nhà trường phê duyệt dùng ôn luyện kỹ năng nghe và nói đáp ứng yêu cầu cho các Kỳ thi chứng chỉ tiếng Anh quốc tế về hai kỹ năng này.

- Điều kiện tổ chức: có phòng học tiếng Anh và được trang bị các thiết bị giảng dạy như bảng tương tác, Ti vi, máy tính, máy chiếu và có không quá 35 học sinh/ 1 lớp; giáo viên người nước ngoài không sử dụng các thiết bị phát âm thanh nhằm thay thế giáo viên đọc các nội dung trong tiết học; sự tự nguyện đồng ý của học sinh, cha mẹ học sinh; không ép buộc; phù hợp với điều kiện của nhà trường.

5. Ôn tập thi các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế với giáo viên tiếng Anh người Việt Nam

- Đối tượng: học sinh từ lớp 6 đến lớp 9.

- Thời lượng: không quá 100 tiết/khóa.

- Mức thu: 4.000 đồng/ 1 học sinh/ 1 tiết học.

- Tài liệu dạy học: do giáo viên giảng dạy đề xuất và Hiệu trưởng phê duyệt thực hiện nhằm đáp ứng yêu cầu các kỹ năng và kiến thức các kỳ thi chứng chỉ tiếng Anh quốc tế.

- Điều kiện tổ chức: không quá 35 học sinh/ 1 lớp; sự tự nguyện đồng ý của học sinh, cha mẹ học sinh; không ép buộc; phù hợp với điều kiện của nhà trường.

Như vậy, trong các mô hình trên, mô hình học tiếng Anh theo Đề án ngoại ngữ quốc gia là không có thu phí, phù hợp với đa số học sinh trong huyện. Tuy nhiên, sách giáo khoa tiếng Anh lớp 6 sử dụng cho mô hình này được Bộ Giáo dục và Đào tạo triển khai phù hợp với học sinh chưa học tiếng Anh trước đó. Đến nay 100% học sinh lớp 5 (trừ học sinh học hòa nhập) được học tiếng Anh ở cấp tiểu học, trong đó có khoảng 10% các em có trình độ tiếng Anh quốc tế khi tham gia các kỳ thi của Cambridge và TOEFL.

Do vậy, để tất cả học sinh vừa đảm bảo chuẩn kiến thức kỹ năng theo quy định, vừa có thêm hoạt động bổ trợ, nâng cao kiến thức, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của xã hội về việc dạy và học tiếng Anh, cần thiết phải có thêm tài liệu bổ trợ tiếng Anh.

II. MỤC TIÊU THỰC HIỆN

Thực hiện đa dạng hóa nội dung giảng dạy, tài liệu giảng dạy nhằm thực hiện thành công Đề án phổ cập và nâng cao năng lực sử dụng tiếng Anh cho học sinh phổ thông huyện Cần Giờ giai đoạn 2012-2020 tại Kế hoạch số 132/KH-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2012 của Ủy ban nhân dân huyện.

Nhằm nâng cao năng lực học tập và sử dụng ngoại ngữ cho học sinh phổ thông, đồng thời tạo điều kiện cho nhà trường, giáo viên, học sinh và cha mẹ học sinh có thêm lựa chọn tài liệu bổ trợ, tăng cường năng lực học tập, góp phần nâng cao chất lượng dạy học môn tiếng Anh.

III. NGUYÊN TẮC THỰC HIỆN

Việc triển khai bộ giáo trình này dựa trên sự tự nguyện tham gia của cha mẹ học sinh và học sinh, nhà trường dựa trên nhu cầu của cha mẹ học sinh để tổ chức giảng dạy sao cho phù hợp và đúng quy định (không được ép buộc học sinh và cha mẹ học sinh).

Bộ giáo trình i-Learn Smart World đã được Sở Giáo dục và Đào tạo thẩm định và cho phép triển khai như là một tài liệu bổ trợ, góp phần nâng cao năng lực sử dụng tiếng Anh cho học sinh trung học cơ sở.

IV. ĐỐI TƯỢNG, ĐỊA ĐIỂM, KINH PHÍ THỰC HIỆN

- Đối tượng: Học sinh các khối lớp 6, 7 và 8 năm học 2019-2020 và học sinh các khối lớp kể từ năm học 2020-2021.
- Địa điểm: tại các trường trung học cơ sở và Trường THCS-THPT Thạnh An.
- Kinh phí thực hiện: phụ huynh học sinh đăng ký mua bộ sách/năm học cho học sinh theo quy định.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Tổ chức thực hiện theo hướng dẫn tại Công văn số 456/GDĐT ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Phòng Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn triển khai tài liệu bổ trợ trong dạy học tiếng Anh (đính kèm).

Thời lượng và khối lượng kiến thức bổ trợ do giáo viên dạy tiếng Anh trực tiếp xây dựng kế hoạch và được Hiệu trưởng phê duyệt dựa trên bảng so sánh kiến thức của 02 giáo trình (đính kèm).

Đề nghị Hiệu trưởng các trường tổ chức thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng GD&ĐT: TP, PTP (THCS), thành viên Tổ THCS;
- Lưu: VT.



Dương Văn Thư

UBND HUYỆN CẦN GIỜ
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 456/GDDT

Cần giờ, ngày 30 tháng 3 năm 2018

V/v hướng dẫn triển khai sử dụng tài liệu
bổ trợ trong dạy học tiếng Anh

Kính gửi: Hiệu trưởng các trường trung học cơ sở
trong huyện

Căn cứ Công văn số 1630/GDDT-TrH ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Sở giáo dục và Đào tạo về đăng ký số liệu học sinh sử dụng bộ tài liệu bổ trợ môn tiếng Anh Spark và Smart Time;

Phòng Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn triển khai sử dụng tài liệu bổ trợ trong dạy học tiếng Anh, nội dung cụ thể như sau:

1. Tài liệu bổ trợ

Các tài liệu bổ trợ được Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh thẩm định hoặc biên soạn.

2. Trình tự thực hiện sử dụng tài liệu bổ trợ

Bước 1: Hiệu trưởng chỉ đạo tổ chuyên môn tiếng Anh lựa chọn tài liệu bổ trợ, đảm bảo các yêu cầu theo quy định về phù hợp mục tiêu chương trình giáo dục phổ thông; đảm bảo tính khoa học, tính chính xác, tính sư phạm, tính thẩm mỹ; phù hợp tâm lý lứa tuổi; có tác dụng giáo dục tình yêu đất nước và không vi phạm các quy định của pháp luật.

Bước 2: Tổ chuyên môn tiếng Anh đề xuất với Hiệu trưởng, thông qua Hội đồng sư phạm nhà trường, triển khai góp ý các biện pháp thực hiện.

Bước 3: Triển khai dự kiến việc sử dụng tài liệu bổ trợ với phụ huynh học sinh (có thể thí điểm 1 lớp, hoặc 1 khối lớp), trong đó nêu rõ biện pháp thực hiện và kinh phí thực hiện (tiền mua tài liệu bổ trợ).

Bước 4: Hoàn thiện hồ sơ thỏa thuận theo quy định và tổ chức thực hiện chương trình tiếng Anh có sử dụng tài liệu bổ trợ bằng việc xây dựng kế hoạch giảng dạy phù hợp trong từng học kỳ hoặc trong năm học (không áp dụng cho chương trình tiếng Anh tăng cường).

3. Tập huấn sử dụng tài liệu bổ trợ

Các trường đề xuất việc tập huấn sử dụng tài liệu bổ trợ (sau khi đã chính thức triển khai thực hiện) về Phòng Giáo dục và Đào tạo, trên cơ sở đó Phòng Giáo dục và Đào tạo, đề xuất (thông qua Sở Giáo dục và Đào tạo) tổ chức tập huấn cho giáo viên việc sử dụng tài liệu bổ trợ trước khi thực hiện.

Các trường đăng ký theo quy định của Sở Giáo dục và Đào tạo và chủ động liên hệ đơn vị phát hành sách tại số 231 Nguyễn Văn Cừ, Quận 5 Thành phố Hồ Chí Minh nhằm tránh việc tài liệu bổ trợ không đúng chất lượng, kém chất lượng.

Đề nghị hiệu trưởng các trường triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng GD&ĐT: TP, PTP (THCS), tổ THCS và chuyên viên tiếng Anh (ông Long);
- Lưu: VT (M).

TRƯỞNG PHÒNG



BẢN SO SÁNH CHƯƠNG TRÌNH

“ENGLISH 6” (NXB GD)& “I-LEARN SMART WORLD 6” (NXB ĐHSP)

VỀ NGỮ PHÁP – GRAMMAR:

ENGLISH 6	I-LEARN SMART WORLD 6
<u>UNIT 1: Greetings</u>	<u>THEME1: Home</u>
- The present simple tense of “To be”	- The present simple tense.
- WH- question (How, What)	- WH- questions.
<u>UNIT 2:</u>	<u>THEME2: School</u>
- <i>Imperative.</i>	- The present simple tense.
- The present simple tense of ordinary verbs.	- ...
- <i>Possessive pronouns.</i>	- ...
- Indefinite articles.	- ...
<u>UNIT 3:</u>	<u>THEME3: Friends</u>
- Personal pronoun.	- Adjectives
- <i>Structure: There is/ There are and question: “How many?”</i>	- The present simple tense.
- <i>Contractions.</i>	- The present progressive tense
- ...	- The past simple tense.
<u>UNIT 4:</u>	<u>THEME 4: Entertainment</u>
- <i>Adjective (to describe location and size of school/house).</i>	- Adjectives (to express opinions.)
- <i>Possessive case: ‘s</i>	- WH- questions(What? Why?)
- ...	- The past simple tense
<u>UNIT 5:</u>	<u>THEME 5: Around Town</u>
- <i>Adverbs of time</i>	- Articles.
- Prepositions of time: at, on.	- Prepositions of position
- ...	- Use “This, These”; “It, Them”
- ...	- ...
<u>UNIT 6:</u>	<u>THEME 6: Recreation</u>
- Prepositions of position	- The present perfect tense.
- WH- questions(Where? Which? What?)	- Adverbs of frequency.

<u>UNIT 7:</u>	<u>THEME 7: Robots</u>
- Adverbial phrases: by bike, by car,.....	- Comparatives and Superlatives
- WH- question (with “ How” to talk about transportation)	- Modal: can/ can’t
- ...	- Because (to give reasons)
<u>UNIT 8: Out and about</u>	<u>THEME 8: The World around us</u>
- Modals: Must, Can	- Comparatives (review)
- The present progressive tense.	- The future tense with “ be going to”(review)
<u>UNIT 9: The body</u>	<u>THEME 9: The future</u>
- <i>Adjectives of colors</i>	- The simple future tense
- The present simple tense. (review)	- Prepositions of position
- ...	- But (to discuss separate ideas in one sentence)
<u>UNIT 10: Staying healthy</u>	<u>THEME 10: The natural world</u>
- <i>Adjectives (about feelings)</i>	- The present simple tense.(review)
- <i>Polite requests</i>	- Need/ don’t need
- <i>Quantifiers: some, any.</i>	- ...
- <i>Would like</i>	- ...
<u>UNIT 11: what do you eat?</u>	-
- Verbs: want, need	-
- Partitives: a box of, a can of,.....	-
<u>UNIT 12: Sports and Pastimes</u>	-
- The present progressive tense.	-
- <i>Adverbs of frequency (to answer the question “ How often...?”</i>	-
- The present simple tense.	-
<u>UNIT 13: Activities and Seasons</u>	-
- The present progressive tense.(Review)	-
- Adverbs of frequency . .(Review)	-
- The present simple tense. (Review)	-
-	-

UNIT 14: Making plans	-
- The future tense with “Be going to”	-
- <i>Suggestions with : Let’s..., What/How about....?, Why don’t we...?</i>	-
UNIT 15: Countries	-
- The present simple tense .(review)	-
- Comparatives and Superlatives.	-
UNIT 16: Man and the environment	-
- <i>Indefinite quantifiers: a few, a little, a lot of, lots of,.....</i>	-
- WH- questions with: How much?, How many?	-
- <i>Imperatives(using “ Don’t”)</i>	-
- <i>Should / shouldn’t</i>	-

VỀ TỪ VỰNG – VOCABULARY:

ENGLISH 6	
<u>UNIT 1: GREETINGS</u>	<u>THEME1: HOME</u>
- Greetings	- Jobs of family members.
- ...	- Housework
-	- Words to describe a house.
<u>UNIT 2: AT SCHOOL</u>	<u>THEME2: SCHOOL</u>
- Words(to describe schools or classrooms)	- School subjects.
- School things	- School activities.
- Verbs: stand, sit, open, say, spell.....	-
<u>UNIT 3: AT HOME</u>	<u>THEME3: FRIENDS</u>
- Words of occupations	- Adjectives of personal appearance.
- Household appliances/ furniture.	- Holiday activities.
<u>UNIT 4: BIG OR SMALL?</u>	<u>THEME4: ENTERTAINMENT</u>
- <i>Cardinal numbers, Ordinal numbers.</i>	- Adjectives(to express opinions)
- <i>Phrases: get up, get dressed,....</i>	- TV programs.
<u>UNIT 5: THINGS I DO</u>	<u>THEME5: AROUND TOWN</u>

- Names of subjects.	- Clothing .
- <i>Words of routine: take a shower,.....</i>	- Foods and drinks.
<u>UNIT 6: PLACES</u>	<u>THEME 6: RECREATION</u>
- Words of locations	- Popular sports and games/ pastime.
- Prepositions of positions (in front of, behind, next to, opposite, between,.....)	- Free time activities.
<u>UNIT 7: YOUR HOUSE</u>	<u>THEME 7: ROBOTS</u>
- <i>Words of means of transportation.</i>	- Kinds of work robots.
- Words of places and layouts.	- Adjectives (loud, strong, intelligent,....)
- Adjectives (big, small,...)	-
<u>UNIT 8: OUT AND ABOUT</u>	<u>THEME 8: THE WORLD AROUND US</u>
- <i>Road signs</i>	- Features of cities around the world.
- Words of actions/ activities (load, drive, wait,)	- Adjectives of comparatives.
- Means of transportation.(review)	-
<u>UNIT 9: THE BODY</u>	<u>THEME 9: THE FUTURE</u>
- <i>Parts of the body.</i>	- Prepositions of position.
- <i>Adjective of colors.</i>	- School activities and school subjects in the future.
-	- Words of technology (projector, interactive whiteboard,...)
<u>UNIT 10: STAYING HEALTHY</u>	<u>THEME10: THE NATURAL WORLD</u>
- Names of foods and drinks	- Words (relating to the environment)
- Words of feelings (hungry, tired,...)	- Things for a camping trip.
- ...	-
<u>UNIT 11: WHAT DO YOU EAT?</u>	-
- Foods and drinks	-
- Quantities.	-
<u>UNIT 12: SPORT AND PASTIME</u>	-
- Sports and pastime	-
- Adverbs of frequency.	-

<u>UNIT 13 : ACTIVITIES AND SEASONS</u>	-
- <i>Name of seasons</i>	-
- <i>Adjectives: hot, cold, warm,.....</i>	-
- Sport and activities (swim, jog, fish,...)	-
<u>UNIT 14: MAKING PLANS</u>	-
- Vacations.	-
- Famous places (Ha Long Bay, Hue citadel,)	-
<u>UNIT 15: COUNTRIES</u>	-
- Countries, nationalities.	-
- Natural features/ features of cities around the world.	-
- Languages.	-
<u>UNIT 16: MAN AND THE ENVIRONMENT</u>	-
- Words of environmental issues.	-
- Food and farming vocabulary.	-

*** KẾT LUẬN:**

- Những phần in **đậm, nghiêng** ở cột bên trái (SÁCH ENGLISH 6) là phần cần bổ sung khi sử dụng giáo trình I - LEARN SMART WORLD.
 - Cần từ **4 đến 5** tiết để bổ sung từ vựng cho toàn bộ chương trình.
 - Cần từ **15 đến 16** tiết bổ sung ngữ pháp cho toàn bộ chương trình.

- Sách **ENGLISH 6** :

Từ unit 1- unit 8 là PPCT học kỳ 1

Từ unit 9 – unit 16 là PPCT học kỳ 2

- Sách **I - LEARN SMART WORLD:**

Từ Theme 1 - Theme 5 là PPCT học kỳ 1

Từ Theme 6 - Theme 10 là PPCT học kỳ 2

Sách “ I- Learn...” Có lượng kiến thức ngữ pháp và từ vựng phong phú, phù hợp với thực tế; Kênh hình ảnh đẹp.

*** MỘT SỐ ĐỀ NGHỊ – SUGGESTIONS:**

- Cuối sách nên có **Word List / Glossary** (danh mục từ vựng), **tóm tắt ngữ pháp** để học sinh tiện ôn tập, soạn bài mới, hoặc học sinh có thể tự học.
- Phân liệt kê từ mới cho mỗi đơn vị bài học còn sơ sài.

SO SÁNH NỘI DUNG GIÁO TRÌNH TIẾNG ANH LỚP 7 CỦA BỘ GD-ĐT VÀ GIÁO TRÌNH I-LEARN SMART WORLD 7

Đối với việc giảng dạy Tiếng Anh, **ngữ liệu** giữ vai trò trọng yếu trong việc hình thành nội dung kiến thức mà giáo trình cần cung cấp đến người học. Ngữ liệu bao gồm hai thành tố chính: **từ vựng** và **cấu trúc ngữ pháp**.

Nếu lấy giáo trình Tiếng Anh lớp 7 của Bộ GD-ĐT (General English) làm chuẩn về kiến thức kỹ năng, chúng ta có bảng so sánh như sau:

Phần 1: TỪ VỰNG (VOCABULARY)

S T T	Chủ đề từ vựng Giáo trình General English	Đơn vị bài học tương ứng Giáo trình Smart World 7	Đơn vị bài học tương ứng Giáo trình Smart World 6	Số tiết dạy
1	Back to school			1 tiết
2	Personal information			1 tiết
3	At home		Theme 1/Lessons 2,3,5	
4	At school		Theme 2/Lessons 1,5	
5	Work and play	Theme 1/Lessons 1,2,3,4	Theme 2/Lessons 1,5	
6	After school	Theme 1/Lessons 1,2,3,4		
7	The world of work			2 tiết
8	Places	Theme 9/Lessons 1,3	Theme 5/Lesson 3	
9	At home and away	Theme 10/Lessons 2,4		2 tiết
10	Health and hygiene	Theme 3/Lessons 1,2,3		1 tiết
11	Keep fit, stay healthy	Theme 3/Lessons 1,2,3		1 tiết
12	Let's eat!	Theme 5/Lessons 1,2,3		1 tiết
13	Activities	Theme 1/Lesson 4	Theme 6/Lesson 1	1 tiết
14	Freetime fun		Theme 4/Lessons 1,2	1 tiết
15	Going out			2 tiết
16	People and place		Theme 8/Lesson 1	2 tiết

Tổng số tiết cần thiết để dạy bổ sung cho phần chủ đề từ vựng giáo trình Tiếng Anh lớp 7 của Bộ GD-ĐT: 15 tiết.

Phần 2: CẤU TRÚC NGỮ PHÁP (GRAMMAR NOTES)

S T T	Cấu trúc ngữ pháp Giáo trình General English	Đơn vị bài học tương ứng Giáo trình Smart World 7	Đơn vị bài học tương ứng Giáo trình Smart World 6	Số tiết dạy
1	Greetings			½ tiết
2	Present simple tense		Theme 1/Lessons 1,2,3 Theme 2/Lesson 4	
3	So, too, either, neither	Theme 1/Lesson 3 Theme 5/Lesson 1		
4	Present progressive tense	Theme 1/Lesson 2		
5	Question words: <i>How much/How many...?</i> <i>How far...?</i>	Theme 10/Lesson 4	Theme 5/Lesson 2	
6	Prepositions		Theme 9/Lesson 1	
7	Future simple tense	Theme 10/Lessons 1,2		
8	Dates of a month, months of a year			1 tiết
9	Would like+to-infinitive	Theme 6/Lesson 4		
10	Imperatives (Commands)	Theme 6/Lesson 2		
11	Adjectives: comparatives and superlatives	Theme 2/Lesson 2 Theme 3/Lesson 3		
12	Adverbs of frequency		Theme 6/Lesson 2	
13	Any	Theme 3/Lesson 1		
14	Suggestions: <i>Why don't you...?</i> <i>What about...?</i> <i>Let's...</i>			1 tiết
15	Indefinite quantifiers: <i>a little, a lot/lots of, too much</i>	Theme 3/Lesson 1		
16	More, less and fewer			1 tiết
17	Past simple tense	Theme 2/Lesson 4		
18	Why...? – Because...		Theme 7/Lesson 2	
19	Adjectives/adverbs			1 tiết

20	Sequencing: first, next, then, finally			½ tiết
21	Modal verbs: <i>May, might, can, could, must, should, ought to, have to</i>	Theme 7/Lesson 4: <i>could</i> Theme 3/Lesson 2: <i>should</i>	Theme 7/Lessons 1,4: <i>can, have to</i>	1 tiết
22	S1+verb+what+S2+verb....			1 tiết
23	Exclamations: <i>What+(a/an)+(adj)+noun...?</i>			1 tiết
24	The time with <i>past/to</i>			1 tiết

Tổng số tiết cần thiết để dạy bổ sung cho phần cấu trúc ngữ pháp giáo trình Tiếng Anh lớp 7 của Bộ GD-ĐT: 9 tiết.

NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN BỔ SUNG

ÁP DỤNG CHO HỌC SINH HỌC GIÁO TRÌNH I-LEARN SMART WORLD – GRADE 8 (NXB ĐHSP TP.HCM)

NGŨ PHÁP (Phần tô đen: không có điểm ngữ pháp tương đồng trong giáo trình I-LEARN SMART WORLD – GRADE 8)

Đơn vị bài học theo SGK của Bộ GD	Grammar	Đơn vị bài học có điểm ngữ pháp tương ứng
UNIT 1: MY FRIENDS		
	- Simple tense	- Theme 1 - Lesson 1
	- Present simple to talk about general truths.	- Theme 1 - Lesson 1 - Theme 5 - Lesson 1
	- (Not) adjective + enough + to-inf	
UNIT 2: MAKING ARRANGEMENTS		
	- Talk about intentions <i>be going to</i>	
	- Adverbs of place	- Theme 1 - Lesson 3
UNIT 3: AT HOME		
	- Reflexive pronouns	
	- <i>Have to, ought to</i>	
UNIT 4: THE PAST		
	- Past simple	- Theme 2 - Lesson 1
	- Prepositions of time: in, on, at, after, before, between	- Theme 1 – Lesson 2
	- <i>Used to</i>	
UNIT 5: STUDY HABITS		
	- Adverbs of manner	
	- Modal: <i>should</i>	
	- Commands, requests and advice in reported speech	
UNIT 6: THE YOUNG PIONEERS CLUB		
	- Present simple with future	

	meaning	
	- Gerunds	Theme 1 – Lesson 1
	- <i>Modals: may, can, could</i>	- Theme 4 – Lesson 2
UNIT 7: MY NEIGHBORHOOD		
-	- Present perfect with <i>for</i> and <i>since</i>	- Theme 4 - Lesson 1 - Theme 8 – Lesson 1
-	- Comparison with <i>like</i> , (not) <i>as...as</i> , (not) <i>the same as</i> , <i>different from</i>	
UNIT 8: COUNTRY LIFE AND CITY LIFE		
	- Present progressive to talk about the future and to show	- Theme 3 – Lesson 1 - Theme 7 – Lesson 2
	- Comparative and superlative adjectives	- Theme 6 – Lesson 2 - Theme 9 – Lesson 1
UNIT 9: A FIRST-AID COURSE		
	- In order to, so as to	
	- Future simple tense	- Theme 5 – Lesson 4
	- Modal will to make requests, offers and promises	
UNIT 10: RECYCLING		
	- Passive forms	- Theme 2 – Lesson 4
UNIT 11: TRAVELING AROUND VIET NAM		
	- -ed and -ing participles	
	- Requests with “would/ do you mind if/ + V-ing...?”	- Theme 7- Lesson 1
UNIT 12: A VACATION ABROAD		
	- Past progressive	- Theme 10 – Lesson 1
	- Past progressive with <i>when</i> and <i>while</i>	- Theme 8 – Lesson 2
	- Progressive tenses with <i>always</i>	
UNIT 13: FESTIVALS		
	- Passive form: Be + PP	
	- Compound words	

	- Reported speech	
UNIT 14: WONDERS OF THE WORLD		
	- Passive form	- Theme 4 – Lesson 4
	- Indirect question with <i>if</i> and <i>whether</i>	
	- Questions word before to-inf	- Theme 8 – Lesson 4
	- Verb + to – inf	- Theme 1 – Lesson 1
UNIT 15: COMPUTERS		
	- Present perfect with <i>yet</i> , <i>already</i>	- Theme 8 – Lesson 1
	- Comparison of present perfect and past participle	
UNIT 16: INVENTIONS		
	- Passive forms	- Theme 2 – Lesson 4
	- Sequence markers	

TỪ VỰNG (Phần tô đen: không có chủ đề từ vựng tương đồng trong giáo trình I-LEARN SMART WORLD – GRADE 8)

Đơn vị bài học theo SGK của Bộ GD	Chủ đề từ vựng tương ứng trong I-learn smart world
UNIT 1: MY FRIENDS	Theme 1: Free time
UNIT 2: MAKING ARRANGEMENTS	Theme 7: Going Out
UNIT 3: AT HOME	
UNIT 4: THE PAST	Theme 4: The Past, Theme 2: Traditions
UNIT 5: STUDY HABITS	
UNIT 6: THE YOUNG PIONEERS CLUB	
UNIT 7: MY NEIGHBORHOOD	Theme 7: Going Out
UNIT 8: COUNTRY LIFE AND CITY LIFE	
UNIT 9: A FIRST-AID COURSE	
UNIT 10: RECYCLING	
UNIT 11: TRAVELING AROUND VIET NAM	
UNIT 12: A VACATION ABROAD	Theme 3: Our World
UNIT 13: FESTIVALS	Theme 6: Festivals

UNIT 14: WONDERS OF THE WORLD	Theme 3: Our World
UNIT 15: COMPUTERS	Theme 9: Technology
UNIT 16: INVENTIONS	Theme 9: Technology

KIẾN NGHỊ – SUGGESTIONS:

- Về trình bày: Sách nên có lẽ rộng hơn tạo cảm giác thoáng hơn.
- Cuối sách nên có Word List / Glossary (danh mục từ vựng), tóm tắt ngữ pháp để học sinh tiện ôn tập, soạn bài mới, hoặc học sinh có thể tự học.
- Ngoài số lượng từ mới mà đầu bài đã giới thiệu, số lượng từ vựng mà GV cần phải giới thiệu, dạy để HS nắm được bài còn khá nhiều.

BẢN SO SÁNH CHƯƠNG TRÌNH
SÁCH GIÁO KHOA – TIẾNG ANH KHỐI 9 (NXB GIÁO DỤC)
VÀ GIÁO TRÌNH I-LEARN SMART WORLD – GRADE 9 (NXB ĐHSP
TP.HCM)

1. VỀ NGŨ PHÁP – GRAMMAR:

SÁCH GIÁO KHOA	I-LEARN SMART WORLD
<u>Unit 1: A VISIT FROM A PEN PAL</u>	<u>Theme 1: LOCAL ENVIRONMENT</u>
- Past simple Tense (*)	- Present simple Tense (*)
- The past simple with <i>Wish</i>	- Present continuous Tense (for the future) (*)
	- Superlatives (*)
	- Verb + to-infinitive (*)
<u>Unit 2: CLOTHING</u>	<u>Theme 2: TEENAGERS</u>
- Present perfect Tense (*)	- Gerund after “like”, “love”, “hate” (*)
- The passive (*)	- Adjective + that-clause (*)
<u>Unit 3: A TRIP TO THE COUNTRYSIDE</u>	<u>Theme 3: LIFE IN THE CITY</u>
- Modal <i>could</i> with <i>wish</i>	- Phrasal verb (*)
- The past simple with <i>Wish</i>	- Adjectives to express opinions (*)
- Preposition of time	- Present simple Tense (*)
- Adverb clauses of result (*)	
<u>Unit 4: LEARNING A FOREIGN LANGUAGE</u>	<u>Theme 4: FOLK TALES AND LEGENDS</u>
- Modal verbs with <i>if</i> (*)	- Past simple Tense (*)
- Direct and reported speech (*)	- Past continuous Tense (*)
	- Because (*)
<u>Unit 5: THE MEDIA</u>	<u>Theme 5: THE PAST</u>
- Tag questions	- Past simple Tense (*)
- Gerund after some verbs (*)	- Present perfect Tense (*)
	- Past perfect Tense (*)
	- Conjunctions of time
<u>Unit 6: THE ENVIRONMENT</u>	<u>Theme 6: ENGLISH IN THE WORLD</u>
- Adjectives (*) and adverbs	- The First Conditional (*)

- Adverb clauses of reason: <i>as, because, since</i> (*)	- Defining and non-defining relative clauses (*)
<u>Unit 7: SAVING ENERGY</u>	<u>Theme 7: TOURISM</u>
- Connectives: <i>and, but, because, or, so, therefore, however</i> (*)	- “Because” (*) – “And” to give reasons
- Phrasal verbs (*)	- Direct and indirect speech with time and place (*)
- Make suggestions: <i>suggest + V-ing; suggest (that) + S + should</i>	- “Because” – “so that” to give reasons (*)
<u>Unit 8: CELEBRATIONS</u>	<u>Theme 8: SPACE TRAVEL</u>
- Relative clauses (*)	- The Zero Conditional
- Adverb clauses of concession	- Future continuous Tense
<u>Unit 9: NATURAL DISASTERS</u>	<u>Theme 9: FUTURE CAREER</u>
- Relative pronouns	- Future simple Tense and “be going to” (*)
- Relative clauses (*)	- “Because” for reasons and “so that” for purposes (*)
	- The Second Conditional (*)
	- Connectives (*)
<u>Unit 10: LIFE ON OTHER PLANETS</u>	<u>Theme 10: CHANGING ROLES IN SOCIETY</u>
- Modal: <i>may, might</i>	- Modal “have to” (*)
- Conditional sentences: type 1 and type 2 (*)	- The First Conditional (*)

Chú giải: (*) Những điểm ngữ pháp có ở cả 2 giáo trình.

2. **VỀ TỪ VỰNG – VOCABULARY:**

Ghi chú:

- Những từ *in nghiêng*: là từ mà giáo trình ấn định là từ mới.
- Những từ *in đậm*: là những từ mà GV cần giới thiệu thêm, dạy để HS hiểu bài.

UNIT 1: A VISIT FROM A PENPAL

THEME 1: LOCAL ENVIRONMENT

SÁCH GIÁO KHOA	I-LEARN SMART WORLD
<u>Lesson 1:</u>	<u>Lesson 1:</u>
- <i>correspond</i>	- <i>department store</i>
- <i>impress</i>	- <i>opera house</i>
- <i>friendly</i>	- <i>farmers' market</i>
- <i>friendliness</i>	- <i>bridge</i>

- <i>mausoleum</i>	- <i>tower</i>
- <i>mosque</i>	- <i>pier</i>
- <i>primary</i>	
- <i>depend</i>	
- <i>pal</i>	
- <i>pen pal</i>	
- <i>pray</i>	
- <i>keep in touch</i>	
- <i>recreation</i>	
- <i>worship</i>	
- <i>atmosphere</i>	
<u>Lesson 2:</u>	<u>Lesson 2:</u>
- <i>grass</i>	- <i>arts center</i>
- <i>would rather</i>	- <i>food court</i>
	- <i>arcade</i>
	- <i>library</i>
	- <i>coffee shop</i>
	- <i>bowling alley</i>
<u>Lesson 3:</u>	<u>Lesson 3:</u>
- <i>divide</i>	- <i>arrange</i>
- <i>comprise</i>	- <i>promise</i>
- <i>tropical</i>	- <i>agree</i>
- <i>climate</i>	- <i>allow</i>
- <i>Islam</i>	- <i>offer</i>
- <i>region</i>	- <i>busy</i>
- <i>religion</i>	- <i>barbecue</i>
- <i>separate</i>	- <i>garage</i>
- <i>Hinduism</i>	
- <i>compulsory</i>	
- Association of South East Asian Nation	

- currency	
- unit of currency	
- consist	
- population	
- in addition	
- Buddhism	
- language of instruction	
<u>Lesson 4:</u>	<u>Lesson 4:</u>
- disappointed	- surface area
	- lake
	- river
	- fresh water
	- saltwater
	- deep
	- flow
	- measure
	- distance
	- high up
	- delta
	- superior
	- scientist
	- tourist attraction
	- wildlife
<u>Lesson 5:</u>	<u>Lesson 5:</u>
- ghost	- hippo
- monster	- turtle
- farewell	- nature-lover

UNIT 2: CLOTHING

THEME 2: TEENAGERS

SÁCH GIÁO KHOA	I-LEARN SMART WORLD
<u>Lesson 1:</u>	<u>Lesson 1:</u>

- <i>tunic</i>	- <i>social networking site</i>
- <i>slit</i>	- <i>blog</i>
- <i>inspiration</i>	- <i>follow</i>
- <i>minority</i>	- <i>username</i>
- <i>symbol</i>	- <i>profile</i>
- <i>subject</i>	- <i>hate</i>
- <i>stripe</i>	- <i>upload</i>
- <i>unique</i>	- <i>increase</i>
- <i>poet</i>	- <i>diary</i>
- <i>poetry</i>	- <i>keep in touch</i>
- <i>clothing</i>	- <i>comic</i>
- <i>loose</i>	- <i>science fiction</i>
- <i>pants</i>	- <i>role-playing</i>
- <i>occasion</i>	- <i>gamerz</i>
- <i>convenient</i>	
- <i>ethnic</i>	
- <i>pattern</i>	
<u>Lesson 2:</u>	<u>Lesson 2:</u>
- <i>plaid</i>	- <i>surprised</i>
- <i>plain</i>	- <i>pleased</i>
- <i>sleeveless</i>	- <i>sure</i>
- <i>baggy</i>	- <i>worried</i>
- <i>fade</i>	- <i>scared</i>
- <i>label</i>	- <i>disappointed</i>
- <i>encourage</i>	- <i>go wrong</i>
- <i>cross</i>	- <i>climate</i>
- <i>casual</i>	- <i>affect</i>
- <i>short-sleeved</i>	
- <i>sweater</i>	
- <i>survey</i>	

<u>Lesson 3:</u>	<u>Lesson 3:</u>
- <i>embroider</i>	- <i>butler</i>
- <i>cotton</i>	- <i>lawyer</i>
- <i>economic</i>	- <i>will</i>
- <i>sale</i>	- <i>parrot</i>
- <i>worldwide</i>	- <i>steal</i>
- <i>to be named after</i>	- <i>for a ride</i>
- <i>sailor</i>	- <i>squirrel</i>
- <i>wear out</i>	- <i>solve</i>
- <i>strong</i>	- <i>take place</i>
- <i>match</i>	- <i>thief</i>
- <i>go up and up</i>	- <i>servant</i>
- <i>out of fashion</i>	- <i>pass away</i>
	- <i>portrait</i>
	- <i>related to</i>
<u>Lesson 4:</u>	<u>Lesson 4:</u>
- <i>bear</i>	- <i>type</i>
- <i>argument</i>	- <i>delete</i>
- <i>series of argument</i>	- <i>press</i>
- <i>persuade</i>	- <i>desktop</i>
- <i>conclusion</i>	- <i>paste</i>
- <i>organization</i>	- <i>rename</i>
- <i>logical</i>	- <i>mouse</i>
- <i>opinion</i>	- <i>folder</i>
- <i>outline</i>	- <i>copy</i>
- <i>sum up</i>	- <i>click</i>
- <i>to be proud of</i>	- <i>entertainment</i>
- <i>equal</i>	- <i>right-click</i>
- <i>practical</i>	- <i>new (to)</i>
- <i>therefore</i>	

- colorful	
- lively	
<u>Lesson 5:</u>	<u>Lesson 5:</u>
- comic	- animated movie
- champagne	- classical
- planet	- horror
- reunification	

UNIT 3: A TRIP TO THE COUNTRYSIDE

THEME 3: LIFE IN THE CITY

SÁCH GIÁO KHOA	I-LEARN SMART WORLD
<u>Lesson 1:</u>	<u>Lesson 1:</u>
- rest	- eat out
- shrine	- hang out
- lie	- wake up
- foot of a mountain	- stay up
- journey	- sleep in
- bamboo forest	- stay in
- banyan tree	- go out
- paddy field	
- entrance	
<u>Lesson 2:</u>	<u>Lesson 2:</u>
- do for a living	- advantage
- cattle	- disadvantage
- gas station	- modern
	- transportation
	- crowded
	- polluted
	- traffic jam
	- positive
	- negative
<u>Lesson 3:</u>	<u>Lesson 3:</u>

- maize	- receipt
- exchange	- exchange
- grocery	- return
- part-time	- refund
- full-time	- tight
	- loose
	- sweater
	- scarf
<u>Lesson 4:</u>	<u>Lesson 4:</u>
- gather	- round up
- blanket	- round down
- hurriedly	- estimate
- put down	- approximately
- lay out	- total
- blind man's buff	- cost
	- budget
	- a thousand
	- close to
<u>Lesson 5:</u>	<u>Lesson 5:</u>
- itinerary	

UNIT 4: LEARNING A FOREIGN LANGUAGE THEME 4: FOLK TALES AND LEGENDS

SÁCH GIÁO KHOA	I-LEARN SMART WORLD
<u>Lesson 1:</u>	<u>Lesson 1:</u>
- course	- scream
- as much as possible	- wolf
- examination	- forest
- examiner	- axe
- go on	- hood
- aspect	- cottage

- in the end	- chopping
- royal	
- stage	
- oral	
<u>Lesson 2:</u>	<u>Lesson 2:</u>
- dormitory	- brave
- campus	- smart
- reputation	- kind
- scholarship	- hard-working
- expression	- lazy
- close to	- honest
- approximately	- evil
- native speaker	- able to
- work for	- terrible
	- make ... out of wood
	- make ... out of straw
	- lie
<u>Lesson 3:</u>	<u>Lesson 3:</u>
- intermediate	- generator
- advance	- shed
- institute	- turn on
- well-qualified	- flightless
- fee	- nocturnal
- council	- go out
- tuition	- come on
- academy	- fly away
- advertisement	- second-heaviest
- close to	
- available	
- offer	

<u>Lesson 4:</u>	<u>Lesson 4:</u>
- edition	- exposition
- faithfully	- rising action
- how you come to know	- climax
- detail	- falling action
- inquiry	- resolution
	- narrative
	- mean
	- stepmother
	- stepsister
	- look for
	- bunch
	- chopstick
	- one by one
	- in half
	- argue
	- friendly
<u>Lesson 5:</u>	<u>Lesson 5:</u>
- delicious	- pretend
	- well-known
	- save ... from

UNIT 5: THE MEDIA

THEME 5: THE PAST

SÁCH GIÁO KHOA	I-LEARN SMART WORLD
<u>Lesson 1:</u>	<u>Lesson 1:</u>
- crier	- meet
- benefit	- join
- adult	- enter
- interactive	- give
- remote	- travel
- teenager	- eat

- thanks to	- celebrity
- variety	- abroad
- bring about	- presentation
- channel	- silk worm
- program	
- remote control	
- viewer	
- be able to	
- media	
<u>Lesson 2:</u>	<u>Lesson 2:</u>
- documentary	- oversleep
- violent	- arrive
- informative	- lose
	- realize
	- leave
	- miss
	- on time
	- get into
	- awful
	- wallet
<u>Lesson 3:</u>	<u>Lesson 3:</u>
- surf	- accident
- access	- fire
- wander	- robbery
- time-consuming	- hurt
- respond	- fire department
- communicate	- ambulance
- deny	- witness
- limitation	
- opinion	

- forum	
- explore	
- response	
- junk mail	
- risk	
- spam	
- leak	
- alert	
- develop	
- increasingly	
- moreover	
<u>Lesson 4:</u>	<u>Lesson 4:</u>
- source	- president
- cue	- civil war
	- reunite
	- slavery
	- battle
	- leader
	- law
	- warlord
	- defeat
	- to be remembered as
	- general
	- in peace
	- to be known as
<u>Lesson 5:</u>	<u>Lesson 5:</u>
- quiz	- to be worried about
- article	-

UNIT 6: THE ENVIRONMENT**THEME 6: ENGLISH IN THE WORLD**

SÁCH GIÁO KHOA	I-LEARN SMART WORLD
<u>Lesson 1:</u>	<u>Lesson 1:</u>
- pollute	- improve
- pollution	- mistake
- deforestation	- record
- dynamite	- review
- spray	- tip
- provide	- label
- garbage	- translate
- dump	- in the future
- environment	- essay
- pesticide	- change ... into
- unpolluted	
- along	
- among	
- whole	
- conservationist	
- give out	
- spoil	
- achieve	
- similar	
- shore	
<u>Lesson 2:</u>	<u>Lesson 2:</u>
- persuade	- traditional
- prevent	- festival
- sewage	- parade
- do harm to	- easygoing
- dissolve	- polite
- resource	- charming

- exhaust fume	- good sense of humor
- litter	- culture
- raw	- care about
- pump into	- damper
- ocean	
- drop into	
- oil spill	
<u>Lesson 3:</u>	<u>Lesson 3:</u>
- junkyard	- summer camp
- hedge	- ghost
- foam	- robbery
- fence	- gold
- silly	- robber
- right away	- arrest
- treasure	- truck
- end up	- push ... off
- stream	- security
- nonsense	- on foot
- woods	- refuse
	- hide
<u>Lesson 4:</u>	<u>Lesson 4:</u>
- complaint	- language
- politely	- international
- clean up	- communicate
- float	- media
- toad	- official
- shock wave	- government
- authorize	- politics
- prohibit from	- at first
	- all over the world

	- pilot
	- work for
	- staff
	- best-known
	- industry
	- tourist
	- not only that
	- branch
	- means of
	- agree on
<u>Lesson 5:</u>	<u>Lesson 5:</u>
- congratulations	- stew
- careless	

UNIT 7: SAVING ENERGY

THEME 7: TOURISM

SÁCH GIÁO KHOA	I-LEARN SMART WORLD
<u>Lesson 1:</u>	<u>Lesson 1:</u>
- energy	- meet
- recent	- see
- bill	- go
- crack	- buy
- pipe	- tourist
- plumber	- experience
- faucet	- visit
- drip	- relax
- to be worried about	- historic site
- enormous	- nature
- advice on	- sightsee
	- souvenir
	- whale
<u>Lesson 2:</u>	<u>Lesson 2:</u>

- solar	- parliament
- nuclear	- botanic garden
- install	- cathedral
- panel	- memorial
	- go on
<u>Lesson 3:</u>	<u>Lesson 3:</u>
- standard	- street food
- regularly	- national park
- replace	- resort
- ordinary	- day trip
- ultimately	- homestay
- model	- famous places
- appliance	- take a rest
- bulb	- in the home
- category	- ready-to-eat
- household	- hike
- effectively	
- innovation	
- luxury	
- necessity	
- tumble dryer	
- consume	
<u>Lesson 4:</u>	<u>Lesson 4:</u>
- solid	- design
- sum up	- preserve
- easy-to-understand	- restore
- waste paper	- architecture
- sheet	- construction
- draft	- wood
	- marble

	- stone
	- think of
	- to be made of
	- come from
	- leaning
	- expert
	- straight
	- original
	- work of art
	- effort
	- restoration
	- landmark
	- man-made
<u>Lesson 5:</u>	<u>Lesson 5:</u>
- turn on	- statue
- turn off	- liberty
- look for	- to be recognized as
- look after	- copper
- go on	- iron
- shortage	- delicious
- decade	

UNIT 8: CELEBRATIONS

THEME 8: SPACE TRAVEL

SÁCH GIÁO KHOA	I-LEARN SMART WORLD
<u>Lesson 1:</u>	<u>Lesson 1:</u>
- celebrate	- strap
- celebration	- space station
- sticky	- float
- Passover	- astronaut
- Jewish	- experiment
- freedom	- bone

- <i>slavery</i>	- <i>spacesuit</i>
- <i>ancient</i>	
- <i>joyful</i>	
- <i>parade</i>	
- <i>icon</i>	
- <i>throughout</i>	
- <i>occur</i>	
- <i>as long as</i>	
- <i>crowd</i>	
<u>Lesson 2:</u>	<u>Lesson 2:</u>
- <i>congratulate</i>	- <i>biodome</i>
- <i>charity</i>	- <i>spacewalk</i>
- <i>nominate</i>	- <i>stargazing</i>
- <i>acquaintance</i>	- <i>mars</i>
- <i>compliment</i>	- <i>space shuttle</i>
- <i>activist</i>	- <i>meteor shower</i>
<u>Lesson 3:</u>	<u>Lesson 3:</u>
- <i>groom</i>	- <i>metal detector</i>
- <i>hug</i>	- <i>glow</i>
- <i>considerate</i>	- <i>caretaker</i>
- <i>priority</i>	- <i>arrowhead</i>
- <i>distinguish</i>	
- <i>tear</i>	
- <i>lose heart</i>	
- <i>terrific</i>	
- <i>draw from</i>	
<u>Lesson 4:</u>	<u>Lesson 4:</u>
- <i>enhance</i>	- <i>gravity</i>
- <i>nationwide</i>	- <i>mass</i>
	- <i>weight</i>

	- <i>calculate</i>
	- <i>newtons</i>
	- multiply
	- in conclusion
<u>Lesson 5:</u>	<u>Lesson 5:</u>
- <i>compose</i>	- formula
- satisfied	- Neptune
	- dull

UNIT 9: NATURAL DISASTERS

THEME 9: FUTURE CAREER

SÁCH GIÁO KHOA	I-LEARN SMART WORLD
<u>Lesson 1:</u>	<u>Lesson 1:</u>
- <i>earthquake</i>	- <i>actor</i>
- <i>volcano</i>	- <i>actress</i>
- <i>typhoon</i>	- <i>restaurant manager</i>
- <i>forecast</i>	- <i>dentist</i>
- <i>Celsius</i>	- <i>painter</i>
- <i>temperature</i>	- <i>doctor</i>
- <i>trust</i>	- <i>shoe company</i>
- <i>highlands</i>	- <i>elementary teacher</i>
- disaster	- <i>model</i>
- storm	- <i>hotel manager</i>
	- <i>film director</i>
	- <i>high school teacher</i>
	- <i>fashion designer</i>
	- <i>bookstore</i>
	- <i>construction worker</i>
	- hospitality
	- particular
	- workplace
	- work in

<u>Lesson 2:</u>	<u>Lesson 2:</u>
- can	- game designer
- fixture	- tour guide
- expert	- flight attendant
- canned	- mechanic
- peg	- photographer
- rope	- preschool teacher
- latch	
- invite ... over ... for	
- block	
- roller	
- drill	
- blow	
<u>Lesson 3:</u>	<u>Lesson 3:</u>
- Pacific Rim	- engineer
- collapse	- airline pilot
- tide	- plumber
- tidal	- veterinarian
- abrupt	- reporter
- shift	- architect
- erupt	- to be bad at
- warn	- biology
- funnel	- advice
- carriage	- chef
- strike	
- Ring of Fire	
- underwater	
- hit	
- hurricane	
- cyclone	

- predict	
- tornado	
- suck	
- path	
<u>Lesson 4:</u>	<u>Lesson 4:</u>
- behave	- wish
- shelter	- career
	- communication
	- skill
	- teamwork
	- course
	- end up
	- opportunity
	- workshop
	- as much as possible
	- science
<u>Lesson 5:</u>	<u>Lesson 5:</u>
- chew	- counselor
- swallow	

UNIT 10: LIFE ON OTHER PLANETS THEME 10: CHANGING ROLES IN SOCIETY

SÁCH GIÁO KHOA	I-LEARN SMART WORLD
<u>Lesson 1:</u>	<u>Lesson 1:</u>
- planet	- full-time
- UFO	- take care of
- spacecraft	- laundry
- meteor	- set the table
- evidence	- make the bed
- exist	- part-time
- sight	- gardening
- alien	- folk

- <i>shape</i>	- <i>sheet</i>
- <i>capture</i>	- <i>pillow</i>
- <i>disappear</i>	- <i>neatly</i>
- <i>mistake</i>	
- <i>aircraft</i>	
- <i>balloon</i>	
- <i>existence</i>	
- <i>experienced</i>	
- <i>egg-shaped</i>	
- <i>free</i>	
- <i>plate-like</i>	
- <i>treetop</i>	
<u>Lesson 2:</u>	<u>Lesson 2:</u>
- <i>mineral</i>	- <i>iron</i>
- <i>gemstone</i>	- <i>sweep</i>
- <i>microorganism</i>	- <i>mop</i>
- <i>precious</i>	- <i>polish</i>
- <i>space-tourist</i>	- <i>vacuum</i>
- <i>Mars</i>	- <i>do the repairs</i>
- <i>sparkling</i>	- <i>pay the bills</i>
- <i>last</i>	- <i>rug</i>
<u>Lesson 3:</u>	<u>Lesson 3:</u>
- <i>marvelous</i>	- <i>lie</i>
- <i>orbit</i>	
- <i>push-ups</i>	
- <i>get out of</i>	
<u>Lesson 4:</u>	<u>Lesson 4:</u>
- <i>imagination</i>	- <i>role</i>
- <i>mysterious</i>	- <i>share</i>
- <i>trace</i>	- <i>equal</i>

- man-like	- domestic
- creature	- relate to
- flying saucer	- busy with
	- childcare
	- according to
	- countrywide
	- on average
	- task
<u>Lesson 5:</u>	<u>Lesson 5:</u>
- crayon	- do the dishes
- evening star	
- outer	

3. MỘT SỐ NHẬN XÉT – COMMENT:

- Giáo trình I-learn Smart World có khá nhiều đổi mới về hình thức và nội dung.
- Giáo trình I-learn Smart World có cập nhật các nội dung mới, phù hợp với thời đại:
Theme 9: Future Career (Nghề nghiệp cho tương lai → có tính giáo dục, hướng nghiệp cho HS); Theme 10: Changing roles in society (Thay đổi vai trò xã hội → có tính giáo dục về bình đẳng giới).
- 4 đơn vị bài học (lesson) từ Lesson 1 → 4 nhằm giới thiệu kiến thức mới, riêng Lesson 5 hoàn toàn dành thời gian cho HS củng cố, ôn tập lại kiến thức từ Lesson 1 → 4,
- Mỗi đơn vị bài học đều có khá đầy đủ các kỹ năng, đặc biệt rất chú trọng cho HS phát triển kỹ năng nói.
- Tất cả các Chủ đề (Theme) đều có tích hợp liên môn:

1. Theme 1: Địa lí
2. Theme 2: Tin học
3. Theme 3: Toán
4. Theme 4: Ngữ Văn
5. Theme 5: Lịch sử

6. Theme 6: Ngôn ngữ học
7. Theme 7: Họa
8. Theme 8: Vật lý
9. Theme 9: GD&CD
10. Theme 10: Xã hội học

- Bài tập hay, đa dạng, phong phú.
- Văn phạm ngữ pháp nhẹ nhàng, ít hơn so với sách giáo khoa của NXB Giáo Dục.
- Trùng 2 chủ đề so với sách giáo khoa của NXB Giáo Dục:

Chủ đề	Sgk	I-learn Smart World
1. Môi trường	<u>Unit 6</u> : The environment	<u>Theme 1</u> : Local environment
2. Không gian / Vũ trụ	<u>Unit 10</u> : Life on other planets	<u>Theme 8</u> : Space travel

4. KIẾN NGHỊ – SUGGESTIONS:

- Giáo trình nên bổ sung một số điểm cấu trúc ngữ pháp để HS còn thiếu so với giáo trình của Nhà xuất bản Giáo dục:
 - The past simple tense with *wish*
 - Adverb clauses of concession
 - Tag questions
 - Adverb
 - Prepositions of time
 - Modal *may / might*
- Mặc dù có phần giới thiệu từ mới (New Words) ở mỗi đầu đơn vị bài học, nhưng cuối sách vẫn nên có Word List / Glossary (danh mục từ vựng) cho HS dễ theo dõi.
- Một số từ mới khá dễ, không nhất thiết phải đưa vào mục New Words.
- Ngoài số lượng từ mới mà đầu bài đã giới thiệu, số lượng từ vựng mà GV cần phải giới thiệu, dạy để HS nắm được bài còn khá nhiều.
- Theme 10: thiếu đề mục đơn vị bài học Lesson 3.
- Một số lỗi chính tả, biên soạn nên khắc phục: *placce* / trang 26; có đến 2 bức tranh gợi ý với từ *crowded* / trang 27.

5. KẾT LUẬN – CONCLUSION:

- Giáo trình I-learn Smart World 9 được biên soạn kỹ lưỡng. Nội dung chương trình khá phù hợp với yêu cầu phát triển xã hội hiện nay. Kiến thức vừa phải, phù hợp với trình độ học sinh lớp 9. Có thể sử dụng Giáo trình trên để giảng dạy đại trà cho tất cả đối tượng học sinh.

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Số: 2116/GDDT-Tr-H
Về tài liệu tiếng Anh
1-Learn Smart World

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 6 năm 2017

Kính gửi: Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo các quận, huyện;

Thực hiện Công văn số 7972/BGDĐT-GDTH ngày 01/11/2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn triển khai chương trình giáo dục phổ thông môn tiếng Anh thí điểm cấp trung học theo Đề án "Dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2020".

Thực hiện chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại công văn số 1828/BCGDĐT-GDTrH ngày 03/5/2017 về việc sử dụng tài liệu bổ trợ, tăng cường chương trình giáo dục phổ thông môn Tiếng Anh thí điểm cấp THCS và THPT;

Thực hiện Quyết định 448/QĐ-UBND ngày 31 tháng 01 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt Đề án "Phổ cập và nâng cao năng lực sử dụng tiếng Anh cho học sinh phổ thông và chuyên nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2011 - 2020";

Nhằm mục tiêu nâng cao năng lực học tập và sử dụng ngoại ngữ cho học sinh phổ thông đồng thời tạo điều kiện cho nhà trường, giáo viên, học sinh và cha mẹ học sinh có thêm lựa chọn tài liệu bổ trợ, tăng cường năng lực học tập góp phần nâng cao chất lượng dạy học môn tiếng Anh, Sở Giáo dục và Đào tạo thông tin đến các đơn vị bộ tài liệu I-Learn Smart World do Công ty Cổ phần giáo dục Đại Trường Phát trình Sở Giáo dục và Đào tạo thẩm định. Các trường THCS có nhu cầu sử dụng bộ tài liệu I-Learn Smart World đăng ký với Phòng Giáo dục và Đào tạo quận, huyện để triển khai dạy học sinh từ năm học 2017-2018.

Nơi nhận:

- Lưu: VP, P.GDTrH.



Nguyễn Văn Hiếu

